

Số: **2866**/BGDDT-KHCNMT

Về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT

Hà Nội, ngày **05** tháng **7** năm 2019

Kính gửi:

- Các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu và trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các sở giáo dục và đào tạo.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Đa dạng sinh học, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (BVMT),

Thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV, Quyết định số 2161/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt Kế hoạch thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV,

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019,

Thực hiện Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Tiêu chuẩn, quy trình biên soạn sách giáo khoa và tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa của Bộ giáo dục và Đào tạo, Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông,

Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản của Đảng và Chính phủ về BVMT, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học,

Thực hiện Chương trình phối hợp số 01/CTrPH-BTNMT-BGDĐT ngày 08/5/2019 về công tác BVMT giữa Bộ TNMT và Bộ GDĐT giai đoạn 2019-2025 (sau đây gọi là Chương trình số 01 gửi kèm theo Công văn),

Căn cứ Công văn số 2925/BTNMT-KHTC ngày 20/6/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT) hướng dẫn các bộ, ngành, các cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT năm 2020,

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu và trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ GDĐT, các sở GDĐT (sau đây gọi tắt là các đơn vị) xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT năm 2020 như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BVMT NĂM 2019 VÀ GIAI ĐOẠN 02 NĂM 2017-2019

Căn cứ vào Công văn số 2029/BGDĐT-KHCNMT ngày 27/4/2016 của Bộ GDĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch BVMT năm 2017, Công văn số 1622/BGDĐT-KHCNMT ngày 21/4/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch BVMT năm 2018, Công văn số 1803/BGDĐT-KHCNMT ngày 07/5/2018 của Bộ GDĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch BVMT năm 2019, Bộ GDĐT hướng dẫn các đơn vị đánh giá về các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách, luật pháp về giáo dục BVMT theo định hướng phát triển bền vững (PTBV)

Các đơn vị đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các nội dung giáo dục BVMT theo định hướng giáo dục vì sự PTBV, trong các Luật, Nghị quyết, các văn bản pháp lý của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tập trung vào các nội dung:

- Công tác giáo dục lồng ghép, thông tin, truyền thông, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức, năng lực và chuyên đổi thành hành động cho người dạy và người học về BVMT, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, tài nguyên thiên nhiên biển và hải đảo theo định hướng giáo dục vì sự PTBV vào trường học;
- Tổ chức, bộ máy và năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý về BVMT, giáo dục BVMT và các nội dung liên quan.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, dự án giáo dục BVMT và sử dụng kinh phí sự nghiệp BVMT năm 2019 và giai đoạn 03 năm 2017-2019

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch BVMT năm 2017, 2018 và ước thực hiện năm 2019, các đơn vị xây dựng báo cáo đánh giá các hoạt động sau:

2.1. Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ

Các đơn vị báo cáo về danh mục cụ thể các nhiệm vụ, dự án BVMT, kinh phí thực hiện và kết quả, sản phẩm của các nhiệm vụ, dự án BVMT đã triển khai thực hiện năm 2017, 2018, 2019; số kinh phí đã giải ngân đến ngày 30/6/2019 và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2019 (mẫu gửi kèm tại Phụ lục 1), cụ thể:

- Nhiệm vụ chuyên môn về giáo dục BVMT (xây dựng tài liệu, học liệu, sổ tay; xây dựng mô hình điển hình, tiên tiến về giáo dục BVMT; nhiệm vụ phục vụ quản lý, chỉ đạo về giáo dục BVMT);

- Nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng giảng viên, giáo viên, sinh viên, học sinh, học viên về phương pháp tích hợp các nội dung BVMT theo định hướng PTBV vào chương trình các cấp học và các trình độ đào tạo (số lượng giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, học viên được tập huấn tại các cơ sở giáo dục, số lượng tài liệu được cung cấp, số lượng các trường triển khai nội dung giáo dục BVMT);

- Hoạt động thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT, đa dạng sinh học, phát triển xanh theo định hướng PTBV (hội thảo, cuộc thi, Chiến dịch tuyên truyền...), các hoạt động xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đa dạng sinh học quốc tế, Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn, Ngày Đất ngập nước...

- Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đánh giá tình hình thực hiện và kết quả triển khai các hoạt động quan trắc hiện trạng môi trường của các trung tâm quan trắc môi trường thuộc các đơn vị.

2.2. Đánh giá tác động, đóng góp của việc triển khai các nhiệm vụ giáo dục BVMT cho sự nghiệp BVMT và phát triển GDĐT của đơn vị và của ngành.

- Tác động, đóng góp của việc triển khai các nhiệm vụ giáo dục BVMT cho sự nghiệp BVMT và phát triển GDĐT của đơn vị và của ngành.

- Thuận lợi.

- Khó khăn, vướng mắc.

3. Kiến nghị, đề xuất

Các đơn vị theo điều kiện cụ thể của đơn vị, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp BVMT và các kiến nghị, đề xuất khác.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2020-2022

TỪ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BVMT

1. Quan điểm, mục tiêu

Hoạt động giáo dục BVMT của Bộ GDĐT căn cứ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành giáo dục và các văn bản pháp lý của Đảng, Chính phủ về bảo vệ môi trường.

Hoạt động giáo dục BVMT của Bộ GDĐT nhằm đẩy mạnh công tác BVMT hướng tới giáo dục vì sự PTBV thông qua việc nâng cao nhận thức, năng lực cho toàn thể nhà giáo và người học nhằm tiếp tục đổi mới hoạt động giáo dục, đào tạo, tuyên truyền về công tác BVMT tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của Bộ GDĐT theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học, phục vụ triển khai Chương trình giáo dục phổ thông và đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về BVMT và phát huy, nhân rộng những sáng kiến, giải pháp hiệu quả về BVMT, giáo dục BVMT trong các cơ sở giáo dục.

Nhiệm vụ giáo dục BVMT năm 2020 tập trung vào việc phát triển hệ thống tài liệu, học liệu về các phương pháp, hình thức giáo dục BVMT; phát triển các giải pháp đẩy mạnh hoạt động giáo dục BVMT và khắc phục ô nhiễm trong các cơ sở giáo dục; thúc đẩy xây dựng và phổ biến các mô hình điển hình, tiên tiến về giáo dục BVMT; tăng cường tập huấn về giáo dục BVMT và phổ biến giáo dục pháp luật về BVMT, giáo dục BVMT theo định hướng giáo dục vì sự PTBV.

Trong năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo ưu tiên nội dung giáo dục về giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy (thực hiện Chương trình phối hợp số 01).

2. Xây dựng kế hoạch BVMT

2.1. Nhiệm vụ chuyên môn về giáo dục BVMT

Các đơn vị đề xuất các nhiệm vụ chuyên môn về giáo dục BVMT theo định hướng giáo dục vì sự PTBV với các nội dung sau:

- Xây dựng tài liệu để phục vụ công tác giảng dạy: Xây dựng tài liệu, học liệu, sổ tay về giáo dục BVMT theo định hướng giáo dục vì sự PTBV theo chủ đề, trong đó tập trung vào phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục BVMT theo chủ đề, phù hợp với các môn học mới, hoạt động giáo dục mới trong chương trình giáo dục phổ thông mới để đề xuất đưa vào sách giáo khoa mới (nội khóa, ngoại khóa), hướng tới đa dạng

đối tượng sử dụng và phân hóa theo cấp học vùng miền, bình đẳng giới, trẻ em khuyết tật; tích hợp trong đào tạo sinh viên sư phạm theo định hướng chuẩn đầu ra theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Xây dựng tài liệu để phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Xây dựng quy trình, tài liệu hướng dẫn phù hợp với từng đối tượng cụ thể thực hiện tuyên truyền và phổ biến pháp luật về BVMT và giáo dục BVMT theo định hướng giáo dục vì sự PTBV.

- Nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý ngành: Phát triển các phương thức đánh giá và đưa ra các giải pháp thúc đẩy các hoạt động giáo dục BVMT theo định hướng giáo dục vì sự PTBV, trong đó ưu tiên các giải pháp về hoạt động quản lý; các giải pháp xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường trong các cơ sở GDĐT; dự báo và xác định nhu cầu các chuyên ngành đào tạo về môi trường trong các cơ sở GDĐH.

- Xây dựng mô hình tiên tiến, điển hình về BVMT, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học theo định hướng PTBV, trong đó tập trung vào các mô hình giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy trong hệ thống các cơ sở giáo dục.

2.2. Các nhiệm vụ tập huấn

Các đơn vị đề xuất các nhiệm vụ tập huấn, tập trung vào các nội dung sau:

- Tập huấn về các chủ trương chính sách, phổ biến pháp luật về BVMT, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và PTBV, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phát triển xanh theo định hướng giáo dục vì sự PTBV cho cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, sinh viên, học sinh trong các cơ sở giáo dục.

- Tập huấn về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức về giáo dục BVMT cho cho giảng viên các trường và khoa sư phạm, giáo viên, sinh viên các trường và khoa sư phạm, học viên, học sinh về giáo dục BVMT theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học, hướng tới giáo dục vì sự PTBV..

- Tập huấn về nhằm nâng cao nhận thức và năng lực về giáo dục BVMT theo định hướng PTBV cho sinh viên theo các khối ngành đào tạo (nông lâm, y dược, kỹ thuật công nghệ).

Ưu tiên các hoạt động tập huấn được phát triển từ các nhiệm vụ chuyên môn về giáo dục BVMT đã được nghiệm thu cấp Bộ và được đánh giá cao, khuyến nghị cần tiếp tục triển khai tập huấn, các nhiệm vụ có tính lan tỏa, vùng miền.

2.3. Các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền

Các đơn vị đề xuất các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức trong việc thực thi pháp luật về BVMT, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, triển khai các điều ước quốc tế liên quan đến giáo dục BVMT theo định hướng PTBV theo chủ đề từng năm hoặc vấn đề trọng tâm về BVMT cho cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, sinh viên, học sinh; đề xuất chuỗi các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường Thế giới và Tháng hành động vì môi trường, Ngày Đa dạng sinh học quốc tế, Ngày Đất ngập nước, Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn, các chuyên đề truyền thông trên báo đài, Đài Truyền hình.

Ưu tiên các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền có tính cấp bách, thời sự về bảo vệ môi trường.

3. Yêu cầu

3.1. Đối với các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu và trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ GDĐT

- Danh mục các đề xuất năm 2020 tổng hợp, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên theo biểu mẫu hướng dẫn ở Phụ lục 2 kèm theo công văn này (sử dụng phông chữ Time New Roman, cỡ chữ 13-14, Phụ lục trên Excel).

- Các nhiệm vụ đề xuất phải được tổ chức chủ trì phê duyệt, có thuyết minh nhiệm vụ kèm dự toán kinh phí chi tiết, theo các biểu mẫu hướng dẫn ở Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5, Phụ lục 6 kèm theo (sử dụng phông chữ Time New Roman, cỡ chữ 13-14).

- Các định mức sử dụng để dự toán được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp BVMT và các quy định hiện hành và các văn bản liên quan.

3.2. Đối với các sở GDĐT

Các sở GDĐT căn cứ vào nội dung Công văn hướng dẫn của Bộ GDĐT, Công văn hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2020 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trên địa bàn, Chương trình phối hợp về công tác BVMT giữa Bộ TNMT và Bộ GDĐT xây dựng kế hoạch BVMT giai đoạn 2019-2025 (01/CTrPH -BTNMT-BGDĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ TNMT và Bộ trưởng Bộ GDĐT) phối hợp với sở tài nguyên và môi trường trên địa bàn, triển khai xây dựng kế hoạch BVMT năm 2020 để tổng hợp vào kế hoạch và dự toán ngân sách địa phương.

Kinh phí kế hoạch BVMT của các sở GDĐT được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT được giao trong dự toán ngân sách hằng năm cho các địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Bộ GDĐT yêu cầu các đơn vị gửi báo cáo theo nội dung Phần I của Công văn; các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu và trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ GDĐT đề xuất kế hoạch giáo dục BVMT năm 2020 theo nội dung Phần II của Công văn **trước 17h00 ngày 19 tháng 7 năm 2019** (theo dấu bưu điện khi nhận) theo địa chỉ: Bộ GDĐT (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường), 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội và gửi file mềm điện tử (báo cáo file Word, phụ lục file Excel) theo địa chỉ email: gdbvmt@moet.gov.vn, nkdung@moet.gov.vn.

Bộ GDĐT chỉ xem xét các nhiệm vụ thực hiện theo các quy định. Việc lựa chọn các nhiệm vụ để đưa vào thực hiện sẽ được triển khai theo phương thức tuyển chọn cạnh tranh (đối với nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ tập huấn) và giao trực tiếp (đối với nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền) sau khi có ý kiến của Bộ TNMT.

Mọi thông tin xin liên hệ: TS. Nguyễn Kim Dung, chuyên viên Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, điện thoại: 0979729197.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, KHCNMT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Nguyễn Văn Phúc

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- 1. Tên nhiệm vụ:**
- 2. Đơn vị chủ trì**
- 3. Tính cấp thiết**
- 4. Các căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ**
- 5. Mục tiêu của nhiệm vụ**
- 6. Phạm vi, quy mô của nhiệm vụ**
- 7. Địa điểm thực hiện nhiệm vụ**
- 8. Phương pháp thực hiện**
- 9. Nội dung chính**
- 10. Tiến độ thực hiện**
- 11. Dự kiến kết quả và sản phẩm**
 - Tài liệu, mô hình, băng đĩa hình, videoclip....
 - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ
 - Báo cáo thử nghiệm tài liệu mô hình, băng đĩa hình, videoclip
- 12. Địa chỉ bàn giao sử dụng**
- 13. Hiệu quả mang lại**
- 14. Thời gian thực hiện**
- 15. Dự kiến kinh phí thực hiện**

Ngày tháng năm
Tổ chức/Cá nhân đề xuất

Mẫu đề cương tập huấn

BỘ GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị:

ĐỀ CƯƠNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC TẬP HUẤN,

I. Mục tiêu:

II. Nội dung:

III. Đối tượng, thành phần, số lượng:

IV. Thời gian:

V. Địa điểm:

VI. Kinh phí và tài liệu:

VII. Tổ chức thực hiện:

VIII. Nội dung, chương trình hoạt động kèm dự toán kinh phí chi tiết kèm theo

Riêng đối với nhiệm vụ tập huấn đề xuất mới, cần có:

IX. Thuyết minh tài liệu tập huấn (theo Phụ lục 3)

Đơn vị đăng ký
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5. Thuyết minh nhiệm vụ chuyên môn về bảo vệ môi trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**THUYẾT MINH
NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

TÊN NHIỆM VỤ

Cơ quan quản lý

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cơ quan chủ trì

Chủ trì nhiệm vụ

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. TÊN NHIỆM VỤ		2. MÃ SỐ:		
2. THỜI GIAN THỰC HIỆN tháng <p style="text-align: center;">Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...</p>				
3. TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ Tên tổ chức chủ trì: Điện thoại: E-mail: Địa chỉ: Họ và tên thủ trưởng tổ chức chủ trì:				
4. CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ Họ và tên: _____ Học vị: _____ Chức danh khoa học: _____ Năm sinh: _____ Địa chỉ cơ quan: _____ Điện thoại di động: _____ Điện thoại cơ quan: _____ Fax: _____ E-mail: _____				
5. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NHIỆM VỤ				
TT	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện cụ thể được giao	Chữ ký
1				
2				
3				
6. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH				
Tên đơn vị trong và ngoài nước		Nội dung phối hợp nghiên cứu		Họ và tên người đại diện đơn vị
7. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ THỰC HIỆN CỦA NHIỆM VỤ, TÍNH CẤP THIẾT CỦA NHIỆM VỤ				
8. MỤC TIÊU CỦA NHIỆM VỤ				

9. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

9.1. Đối tượng

9.2. Phạm vi

10. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

10.1. Cách tiếp cận

10.2. Phương pháp thực hiện nhiệm vụ

11. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ11.1. Nội dung thực hiện nhiệm vụ (*Mô tả chi tiết những nội dung thực hiện*)

11.2. Tiến độ thực hiện

STT	Các nội dung, công việc thực hiện	Sản phẩm	Thời gian (bắt đầu-kết thúc)	Người thực hiện
1				
2				
3				

12. SẢN PHẨM

Stt	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu chất lượng sản phẩm (<i>mô tả chi tiết chất lượng sản phẩm đạt được như nội dung, hình thức, các chỉ tiêu, ...</i>)
	Sản phẩm ứng dụng		
3.1	Tài liệu, mô hình, video clip....		
3.2	Báo cáo tổng kết		
3.3	Báo cáo kết quả thử nghiệm sản phẩm ứng dụng		

13. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NHIỆM VỤ VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG

13.1. Phương thức chuyển giao

13.2. Địa chỉ ứng dụng

14. TÁC ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH MANG LẠI CỦA KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA NHIỆM VỤ

14.1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo

14.2. Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường có liên quan

14.3. Đối với phát triển kinh tế-xã hội

14.4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

15. KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Kinh phí thực hiện Nhiệm vụ

Trong đó:

Ngân sách Nhà nước:

Các nguồn khác:

Stt	Khoản chi, nội dung chi	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí		Ghi chú
				Kinh phí từ NSNN	Các nguồn khác	
1	Chi tiền công lao động trực tiếp (báo cáo chuyên đề, biên soạn tài liệu, báo cáo tổng kết...)					
2	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu					
3	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định					
4	Chi hội thảo khoa học, công tác phí, tập huấn					
5	Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ					
6	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu					
7	Chi văn phòng, phẩm, thông tin liên lạc, in ấn					
8	Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
	Tổng cộng					

(Dự toán chi tiết các mục chi kèm theo và xác nhận của cơ quan chủ trì).

Ngày...tháng...năm.....

Tổ chức chủ trì

(ký, họ và tên, đóng dấu)

Ngày...tháng...năm.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ

(ký, họ và tên)

Ngày...tháng...năm.....

Cơ quan chủ quản duyệt

**TL. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Tiềm lực khoa học của tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia nhiệm vụ chuyên môn về bảo vệ môi trường của Bộ Giáo dục và Đào tạo

TIỀM LỰC CHUYÊN MÔN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kèm theo Thuyết minh nhiệm vụ chuyên môn về giáo dục môi trường)

A. Thông tin về chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ

Các hướng nghiên cứu khoa học chủ yếu:

Kết quả nghiên cứu khoa học trong 5 năm gần đây:

Chủ nhiệm hoặc tham gia chương trình, nhiệm vụ chuyên môn về bảo vệ môi trường đã nghiệm thu:

Stt	Tên chương trình, nhiệm vụ	Chủ nhiệm	Tham gia	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kết quả nghiệm thu

Công trình khoa học đã công bố (chỉ nêu tối đa 5 công trình tiêu biểu nhất):

Stt	Tên công trình khoa học	Tác giả/Đồng tác giả	Địa chỉ công bố	Năm công bố

1.3. Kết quả đào tạo trong 5 năm gần đây:

Hướng dẫn thực sỹ, tiến sỹ:

Stt	Tên đề tài luận văn, luận án	Đối tượng		Trách nhiệm		Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ
		Nghiên cứu sinh	Học viên cao học	Chính	Phụ		

Biên soạn tài liệu chuyên môn về bảo vệ môi trường:

Stt	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Chủ biên hoặc tham gia

2. Các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ (mỗi thành viên chỉ nêu tối đa 3 công trình tiêu biểu nhất, trong đó có công trình về giáo dục bảo vệ môi trường):

Stt	Họ tên thành viên	Tên công trình khoa học	Địa chỉ công bố	Năm công bố

Xác nhận của tổ chức chủ trì
(ký, họ và tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
Chủ nhiệm đề tài
(ký, họ và tên)

Mẫu đề cương các hoạt động truyền thông, các chiến dịch tuyên truyền, chuỗi các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới và tháng hành động vì môi trường

BỘ GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị:

**ĐỀ CƯƠNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC
CÁC HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN**

I. Mục tiêu:

II. Nội dung:

III. Đối tượng, thành phần, số lượng:

IV. Thời gian:

V. Địa điểm:

VI. Kinh phí và tài liệu:

VII. Tổ chức thực hiện:

VIII. Nội dung, chương trình hoạt động kèm dự toán kinh phí chi tiết kèm theo

Đơn vị đăng ký
(Ký tên, đóng dấu)

CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP

Về công tác bảo vệ môi trường giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2019-2025

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là hai Bộ) thống nhất ký kết Chương trình phối hợp về công tác bảo vệ môi trường giai đoạn 2019-2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tăng cường công tác phối hợp giữa hai Bộ nhằm tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong hoạt động giáo dục, đào tạo, tuyên truyền về bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững của đất nước gắn với bảo vệ môi trường;

b) Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường thông qua việc nâng cao nhận thức, năng lực cho toàn thể nhà giáo và người học nhằm tiếp tục đổi mới hoạt động giáo dục, đào tạo, tuyên truyền và nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng các yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới;

c) Đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và phát huy, nhân rộng những sáng kiến, giải pháp hiệu quả về bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Yêu cầu

a) Công tác phối hợp giữa hai Bộ phải đảm bảo tính thường xuyên, chủ động và kịp thời; phát huy vai trò trách nhiệm của mỗi bên, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường gắn với công tác giáo dục và đào tạo;

b) Chương trình phối hợp công tác phải được hai Bộ cụ thể hóa bằng kế hoạch; định kỳ kiểm tra, sơ kết, tổng kết, kịp thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tiễn, bảo đảm thiết thực và hiệu quả.

II. NỘI DUNG PHỐI HỢP

1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong các cấp học và trình độ đào tạo trong các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với bảo vệ môi trường trong giai đoạn tới

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tổng kết, đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nội dung giáo dục bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cho các cấp học và trình độ đào tạo, trong đó chú trọng đưa nội dung giáo dục về giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy;

- Đưa các nội dung giáo dục bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học vào Chỉ thị nhiệm vụ trọng tâm năm học của ngành giáo dục đào tạo;

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức, ý thức và năng lực giáo dục bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, sinh viên, học viên, học sinh trong các cơ sở giáo dục theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học;

- Giáo dục sinh viên, học viên, học sinh các cấp học, các trình độ đào tạo của các cơ sở giáo dục có hiểu biết sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, có kiến thức về môi trường để tự giác thực hiện;

- Xây dựng và phát triển phương thức tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, các giải pháp, biện pháp thúc đẩy các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Tham gia góp ý, xây dựng, biên soạn tài liệu, nội dung giáo dục bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các cấp học và trình độ đào tạo, trong đó chú trọng đưa nội dung giáo dục về giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy;

- Cập nhật các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, kinh nghiệm trong nước và quốc tế làm cơ sở xây dựng, hoàn thiện nội dung giáo dục bảo vệ môi trường vào các cấp học và trình độ đào tạo.

2. Tăng cường công tác đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên gia về môi trường, đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên gia về môi trường, đặc biệt ở bậc đại học và sau đại học cả về số lượng và chất lượng, nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ quản lý, giải quyết các vấn đề môi

trường; đẩy mạnh kết nối giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của ngành tài nguyên và môi trường;

- Tổ chức đánh giá, dự báo và kiến nghị Chính phủ về nhu cầu các chuyên ngành đào tạo về môi trường để có kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội;

- Hỗ trợ yêu cầu về kiểm định, đảm bảo chất lượng cho các trường đại học thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Tăng cường nghiên cứu khoa học về bảo môi trường, trong đó chú trọng xây dựng luận cứ khoa học cho một số đề án lớn trong lĩnh vực môi trường.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Cung cấp thông tin về số lượng chuyên gia, chuyên ngành cần đào tạo phục vụ công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp với nhu cầu xã hội; đẩy mạnh kết nối giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của ngành tài nguyên và môi trường;

- Cung cấp các nội dung cần hỗ trợ về kiểm định, đảm bảo chất lượng cho các trường đại học thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Chú trọng việc cung cấp thông tin về các chương trình nghiên cứu khoa học do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì; đề xuất nhu cầu về luận cứ khoa học phục vụ xây dựng một số đề án lớn trong lĩnh vực môi trường.

3. Tiếp tục rà soát, xây dựng và phát triển hệ thống tài liệu, học liệu điện tử về giáo dục bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Rà soát, xây dựng, thử nghiệm, thẩm định và phát triển hệ thống tài liệu, học liệu điện tử về giáo dục bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cho cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, sinh viên, học viên và học sinh theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học, phù hợp với nội dung giáo dục bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo về bảo vệ môi trường trong giai đoạn tới, trong đó có cập nhật các nội dung về giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy;

- Xây dựng quy trình, tài liệu hướng dẫn phù hợp với từng đối tượng cụ thể của ngành giáo dục, đào tạo về giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy; tổ chức hướng dẫn, triển khai sau khi được thẩm định và ban hành;

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến tài liệu, học liệu điện tử về giáo dục bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, sinh viên, học viên, học sinh theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng, cung cấp các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, trong đó chú trọng nội dung giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy làm cơ sở để xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu điện tử về giáo dục bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

- Cử đại diện hoặc giới thiệu chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn phù hợp tham gia góp ý, xây dựng, thẩm định tài liệu, học liệu điện tử giáo dục về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

4. Tăng cường xây dựng các sáng kiến, giải pháp hiệu quả về bảo vệ môi trường, các mô hình tiên tiến, điển hình về bảo vệ môi trường, tập trung vào việc phân loại rác tại nguồn, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy trong các cơ sở giáo dục

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Rà soát đánh giá, xây dựng các sáng kiến, giải pháp hiệu quả về bảo vệ môi trường, mô hình tiên tiến, điển hình về giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy cho một số trường học, khu ăn, ở của giáo viên, sinh viên, học sinh, học viên trong ngành giáo dục;

- Vận động tài trợ để trang bị điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực cần thiết khác nhằm phục vụ việc xây dựng và phổ biến sáng kiến, giải pháp hiệu quả về bảo vệ môi trường, các mô hình tiên tiến, điển hình về bảo vệ môi trường trong hệ thống các cơ sở giáo dục;

- Huy động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia xây dựng các mô hình tiên tiến, điển hình về bảo vệ môi trường trong hệ thống các cơ sở giáo dục.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức phát động phong trào chống rác thải nhựa, túi ni lông khó phân hủy sử dụng một lần trong hệ thống các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Phát động và chỉ đạo thực hiện các phong trào xây dựng mô hình tiên tiến, điển hình về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, trong đó tập trung vào các mô hình giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy trong hệ thống các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường trong các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Vận động tài trợ để trang bị điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực cần thiết nhằm phục vụ xây dựng các mô hình tiên tiến, điển hình về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong hệ thống các cơ sở giáo dục đào tạo.

5. Tăng cường triển khai các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Thường xuyên tổ chức, đa dạng hóa các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức, các khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tham quan thực tế, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các cơ sở giáo dục phù hợp với nhà giáo và người học, trong đó chú

trọng việc giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy;

- Cử đại diện tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, các khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các cơ sở giáo dục;

- Khen thưởng, tôn vinh các điển hình tiên tiến thuộc ngành giáo dục làm tốt công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức triển khai chương trình truyền thông, các khóa tham quan dã ngoại, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường tại các cơ sở giáo dục; đôn đốc, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

- Huy động các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, sinh viên, học viên, học sinh tích cực hưởng ứng, tham gia và đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm về môi trường;

- Lựa chọn các cơ sở giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý tham gia các khóa tập huấn, tham quan thực tế do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức;

- Đẩy mạnh phong trào sinh viên, học sinh, học viên nghiên cứu khoa học về các biện pháp, giải pháp, công nghệ để xử lý ô nhiễm môi trường; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức trong việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trong ngành giáo dục.

6. Tổ chức các cuộc thi, trao giải thưởng trong lĩnh vực giáo dục bảo vệ môi trường

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Phát động, xây dựng nội dung, kế hoạch triển khai thực hiện các cuộc thi, giải thưởng trong lĩnh vực môi trường dành cho học sinh, sinh viên, học viên tại các cơ sở giáo dục.

- Vinh danh, trao giải thưởng các cuộc thi, giải thưởng về môi trường cho các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đề xuất, giới thiệu các tổ chức, cá nhân trong các cơ sở giáo dục tham gia các cuộc thi, giải thưởng về môi trường; tổ chức triển khai tại các cơ sở giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện;

- Tăng cường các nội dung bảo vệ môi trường trong các cuộc thi của ngành giáo dục;

- Cử đại diện tham gia các Hội đồng chấm điểm cuộc thi, giải thưởng về môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị chức năng trực thuộc trong việc phối hợp, thống nhất triển khai nội dung Chương trình phối hợp công tác.

2. Giao Tổng cục Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường) và Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo) làm đầu mối tham mưu giúp việc cho Lãnh đạo hai Bên trong việc đôn đốc, kiểm tra và thực hiện Chương trình phối hợp công tác tại văn bản này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình phối hợp công tác tại địa phương; kinh phí được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được giao trong dự toán ngân sách hằng năm cho các địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

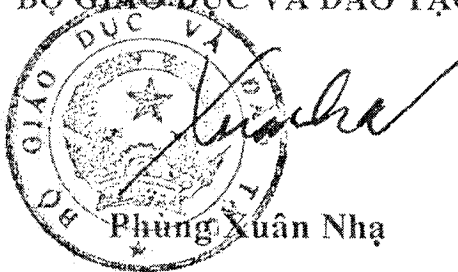
4. Định kỳ hằng năm, căn cứ vào nhiệm vụ do mỗi cơ quan chủ trì tại Chương trình, hai Bộ phối hợp xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phối hợp trước thời điểm xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hằng năm; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho năm tiếp theo. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phối hợp.

5. Kinh phí thực hiện được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường giao trong dự toán ngân sách hằng năm của mỗi Bộ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

6. Chương trình phối hợp này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài Nguyên và Môi trường (qua Tổng cục Môi trường) và Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) để xem xét, giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**



Phùng Xuân Nhạ

**BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



Trần Hồng Hà

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo TƯ, Ủy ban TƯ MTTQ Việt Nam (để báo cáo);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TNMT, Bộ GDĐT;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để phối hợp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TNMT, Bộ GDĐT (để thực hiện);
- Sở TNMT, Sở GDĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ (để thực hiện);
- Các cơ sở GDDH trực thuộc 2 Bộ (để thực hiện);
- Công TTĐT: Chính phủ, Bộ TNMT, Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, TCMT (Bộ TNMT); Vụ KHCNMT (Bộ GD-ĐT).